

PHỤ LỤC 03: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 86 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				TT Đăk Rve	Xã Đăk Pne	Xã Tân Lập	Xã Đăk Ruông	Xã Đăk Kôi	Xã Đăk Tơ Lung	Xã Đăk Tờ Re
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	231,36	12,88	24,84	10,03	28,55	4,35	55,32	95,39
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	6,02			0,06	3,38		2,58	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	2,68			0,06	0,10		2,52	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	124,62	6,11	6,46	4,77	17,21	2,80	48,17	39,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	75,59	4,93	2,29	5,20	7,96	0,15	3,77	51,29
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	1,40					1,40		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	23,73	1,84	16,09				0,80	5,00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN								
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		1,44						1,44	
	<i>Trong đó:</i>									
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	1,44						1,44	
2.2	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp khác không phải là rừng	RSX/NKR(a)								
3	Chuyển đổi đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở		0,45	0,45						
3.1	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,45	0,45						